TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồ Quốc Tuấn

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị D**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0948...

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ai K**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Ai K chung sống với nhau năm 2012 đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, ông K không chăm chỉ làm ăn, thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến bà, nhiều lần trong lúc vợ chồng cãi nhau ông K có hành vi đánh bà bằng tay, sự việc xảy ra bà có báo chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết. Bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa nên hai

bên đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay.

Về con: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Nguyễn Ai K;

- Về quan hệ nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chưa có con chung, không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Bùi Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn ông Nguyễn Ai K vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Ai K biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn"* của nguyên đơn bà Bùi Thị D. Nhưng bị đơn ông K không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông K, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông K vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn ông Nguyễn Ai K, nhưng bị đơn ông K vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông K, nhưng bị đơn ông K vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị D không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn

tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Ai K chung sống với nhau năm 2012, đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, nay bà D có yêu cầu ly hôn, thì theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận hai người là vợ chồng.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo bà D, bà và ông K chưa có con chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc này cũng đã được thông báo cho ông K biết rõ trong Thông náo thụ lý vụ án để ông K biết, nhưng đến nay ông K không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà D và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà D, ông K) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con, tài sản và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết đến phần này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị D và ông Nguyễn Ai K.

2 - Về nuôi con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

3 - Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006059 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Linh